

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 96/2023/HS-PT  
Ngày: 13-12-2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Quang Sơn

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Văn Tỉnh; Bà Nguyễn Thị Rên

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Như Thương – Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:***  
Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 84/2023/TLPT-HS ngày 19 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo **Nguyễn Thành C** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2023/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

*Bị cáo có kháng cáo:* **Nguyễn Thành C**, sinh năm 1993 tại tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký thường trú: **ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau**; nơi cư trú: **ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn T** và bà **Nguyễn Thị T1**; sống chung như vợ chồng với **Nguyễn Thị Mỹ H**; con: có 01 người con, sinh năm 2010; tiền án: tại Bản án số 71/2020/HS-PT ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 04 năm 06 tháng tù về “Tội cướp giật tài sản” (chấp hành xong hình phạt chính ngày 08/12/2022); tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

***- Người bào chữa cho bị cáo:*** Bà Luật sư **Nguyễn Thị Diễm C1** – **Đoàn Luật sư tỉnh B**, có mặt;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 07/4/2023, **Nguyễn Thành C**, sinh năm 1993, nơi thường trú: **ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau** điều khiển xe mô tô biển số 71H1-

036.25 (xe của Nguyễn Thị Mỹ H) ghé quán P thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre để mua phở. Khi đang chờ lấy phở thì C nhìn thấy 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y21s màu xanh của chị Phan Thị Thanh T2, sinh năm 1987, nơi cư trú: 241B ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nhân viên quán phở) để trên đầu tủ kính ở quầy bán phở nên nảy sinh ý định lấy trộm, mục đích để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lợi dụng sơ hở không có ai trông coi, C đã lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y21s màu xanh của chị T2. Sau đó, C bỏ điện thoại vừa trộm được vào túi quần jean bên phải phía sau và lên xe định tẩu thoát. Lúc này, T2 vừa đi giao phở về nhìn thấy một phần điện thoại nhô lên từ túi quần của C giống điện thoại của mình nên T2 đã truy hô và đuổi theo kéo giữ xe Chí lại. Do hoảng sợ nên C tăng tốc xe bỏ chạy, kéo lê T2 chạy theo một đoạn, làm T2 té ngã xuống đường bị thương còn Chí thì tiếp tục tẩu thoát. Sau khi lấy trộm điện thoại C chạy gần đến vòng xoay xã A, huyện C thì ghé vào tiệm nước mía của ông Trần Nam S, sinh năm 1975 để mua nước. Tại đây, C đã bán điện thoại vừa trộm được cho một người khách (không rõ lai lịch) được số tiền là 1.200.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết (hiện chưa thu hồi được điện thoại bị mất trộm).

\* Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu trắng, biển số 71H1-036.25, số khung: RLHJA3929NY495850, số máy: JA39E2950912.

Tại Kết luận định giá tài sản số 796/KL-HĐĐG ngày 05/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận như sau: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo loại Y21s, Gram 6GB, màu xanh, được mua vào tháng 12/2022 với giá 5.990.000 đồng. Tài sản không thu hồi được trị giá là 4.117.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2023/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành Chí p “Tội trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thành C 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26/9/2023, bị cáo Nguyễn Thành C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận

kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Cụ thể: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành C** 01 (một) năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu tranh luận: thống nhất tội danh, điều khoản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo, bởi lẽ: bị cáo đã ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn và đã bồi thường đầy đủ cho bị hại; bị cáo là lao động chính nuôi hai con nhỏ, vợ bị cáo đang mang thai; bị hại có đơn yêu cầu giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt để bị cáo sớm về lo cho các con nhỏ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: để có tiền tiêu xài cá nhân, vào khoảng 09 giờ 15 phút ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại **quán P** thuộc **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre**, **Nguyễn Thành C** đã lén lút lấy trộm của chị **Phan Thị Thanh T2** 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y21s, trị giá 4.117.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án đối với bị cáo là đúng người đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Thành C** yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 01 năm tù về “Tội

trộm cắp tài sản” là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Đồng thời, bị cáo có nhân thân xấu, có một tiền án về “Tội cướp giật tài sản”, chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội mới nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Điều đó cho thấy bản tính xem thường pháp luật nên cần phải xử lý thật nghiêm để cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong một khoảng thời gian nhất định mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trước thực trạng các tội phạm xâm phạm quyền sở hữu đang có chiều hướng gia tăng. Vì vậy, không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo và đề nghị của người bào chữa.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị xử phạt bị cáo 01 năm tù là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo **Nguyễn Thành C** phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành C** 01 (một) năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo **Nguyễn Thành C** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Châu Thành (3b);
- Công an và VKSND h. Châu Thành (2b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- UBND xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Quang Sơn**